

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT THÁNG 07/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 25/07/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28206653159	Phan Thị Thúy	Anh	05/01/2004	Quảng Nam	31TYC6	6.7	2.3	Không Đạt	
2	29206138485	Trần Thị Hồng	Anh	22/12/2005	Quảng Nam	31CBN4	5.3	6.3	Đạt	
3	28204651958	Phạm Hoàng Minh	Ánh	11/10/2004	Gia Lai	31SSC3	6.3	5.3	Đạt	
4	28205201090	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/02/2004	Đắk Lắk	31SHT4	7.0	6.0	Đạt	
5	28204403220	Hồ Quỳnh Minh	Châu	23/10/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	9.3	8.0	Đạt	
6	29205134824	Lê Đăng Bảo	Châu	07/11/2005	Gia Lai	31CHT4	V	1.8	Không Đạt	
7	29203450296	Nguyễn Thị Thành	Danh	07/07/2005	Bình Định	31CBN4	5.3	5.8	Đạt	
8	29204965650	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	20/08/2005	Quảng Bình	31TBN8	6.0	3.8	Không Đạt	
9	29207164969	Đinh Thị Mỹ	Đoan	31/03/2005	Phú Yên	31CBN4	7.0	10.0	Đạt	
10	27215351181	Hoàng Đình	Dũng	12/10/2003	Nghệ An	31CHT4	9.7	7.8	Đạt	
11	29205123416	Lê Thị Mỹ	Duyên	15/06/2005	Quảng Ngãi	31CHT4	8.7	5.0	Đạt	
12	27203342006	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	01/06/2003	Đà Nẵng	31TBN6	9.3	4.0	Không Đạt	
13	27211502597	Lê Văn	Hậu	25/09/2003	Đà Nẵng	31SHT3	9.0	6.3	Đạt	
14	27203642366	Nguyễn Thị Thu	Hiền	23/01/2003	Quảng Trị	31CHT4	7.0	2.5	Không Đạt	
15	29217145723	Nguyễn Trung	Hiếu	13/09/2005	Phú Yên	31CHT4	8.7	8.0	Đạt	
16	28204138193	Lê Thị Huyền	Hoa	04/02/2004	Quảng Nam	31THT10	9.3	6.0	Đạt	
17	28212302991	Vô Đăng Huy	Hoàng	11/05/2004	Quảng Nam	31TBN7	7.0	6.3	Đạt	
18	27215302867	Nguyễn Việt	Hung	25/12/2003	Sơn La	31CHT4	9.3	9.0	Đạt	
19	29215161820	Trịnh Gia	Huy	18/07/2005	Kon Tum	31CHT4	6.0	3.3	Không Đạt	
20	29204861524	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	31/03/2005	Đắk Lắk	31CHT4	6.3	2.3	Không Đạt	
21	28212700452	Trần Khắc	Kế	07/12/2004	Bình Định	31CBN3	6.3	5.3	Đạt	
22	27205427392	Vô Ngọc Châu	Khanh	03/08/2003	Quảng Bình	31CHT4	8.7	5.5	Đạt	
23	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	04/10/2005	Hà Tĩnh	31TBN8	4.0	2.3	Không Đạt	
24	28214600843	Huỳnh Văn	Lâm	02/12/2004	Quảng Nam	31CBN4	7.0	8.0	Đạt	
25	28206227691	Phan Trần Mỹ	Liên	29/03/2004	Đà Nẵng	31CSC3	9.7	6.3	Đạt	
26	28204503085	Nguyễn Thị Yến	Linh	31/08/2004	Quảng Nam	31CBN4	10.0	8.0	Đạt	
27	29205155663	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	05/06/2005	Đà Nẵng	31CHT4	9.7	5.3	Đạt	
28	28204352376	Phạm Thị Thảo	Linh	16/02/2004	Đắk Lắk	31TBN4	5.7	5.8	Đạt	
29	28214602433	Phạm Thị Như	Lợi	20/07/2004	Quảng Nam	31CBN4	9.7	9.5	Đạt	
30	28205151766	Phan Kiều	Ly	25/03/2004	Quảng Nam	31TBN4	6.3	5.0	Đạt	
31	28204401324	Hứa Gia	Mẫn	06/11/2004	Quảng Ngãi	31CYC4	9.0	7.0	Đạt	
32	28206500271	Bùi Huyền	My	10/11/2004	Quảng Ngãi	31CHT3	5.0	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	27215401828	Lê Huyền	My	04/10/2003	Quảng Bình	31CHT4	9.3	9.3	Đạt	
34	29208154532	Mai Thị	Ngọc	07/07/2003	Đà Nẵng	31CHT3	5.0	5.5	Đạt	
35	29215044545	Phan Đoàn	Ngọc	29/04/2004	Đà Nẵng	31CBN4	6.0	8.8	Đạt	
36	28205140602	Võ Bích	Ngọc	09/11/2004	Kon Tum	31TBN4	7.7	7.0	Đạt	
37	29213540652	Cáp Hải Minh	Nguyên	21/04/2005	Quảng Trị	31CBN4	6.0	6.8	Đạt	
38	28216149492	Lê Quang	Nhân	07/05/2004	Bình Định	31CHT5	3.7	3.8	Không Đạt	
39	27202243943	Nguyễn Thị Băng	Nhạn	23/10/2003	Gia Lai	31TYC5	5.3	5.0	Đạt	
40	28204605419	Hoàng Nguyễn Tùng	Nhi	15/10/2004	Quảng Trị	31CSC3	7.7	5.0	Đạt	
41	28214642985	Lê Thị Phương	Nhi	17/03/2004	Quảng Trị	31TSC5	8.0	5.6	Đạt	
42	27205439267	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	24/10/2003	Kiên Giang	31CHT4	9.0	5.0	Đạt	
43	29207148068	Nguyễn Thị Yến	Nhi	30/09/2005	Quảng Nam	31CHT4	7.3	3.8	Không Đạt	
44	29207351369	Dương Thị Tuyết	Nhung	11/01/2005	Đà Nẵng	31CHT4	7.3	8.8	Đạt	
45	29215143900	Lô Minh	Phú	04/12/2005	Nghệ An	31CHT4	5.3	2.5	Không Đạt	
46	28212300953	Trần Triệu	Phú	18/10/2004	Đắk Nông	31THT5	6.0	5.8	Đạt	
47	29215141835	Trương Nguyễn Hoàng	Phúc	14/03/2005	Quảng Nam	31CHT4	8.3	5.0	Đạt	
48	27216100883	Phạm Đoàn Anh	Quân	26/08/2003	Đà Nẵng	31CHT4	6.3	7.0	Đạt	
49	29212354240	Nguyễn Mai Anh	Quốc	26/10/2005	Gia Lai	31CBN4	5.3	6.3	Đạt	
50	29206548398	Ngô Thị Như	Quỳnh	02/09/2005	Quảng Trị	31TBN7	8.0	5.8	Đạt	
51	28204904046	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	23/09/2004	Đắk Lắk	31TBN7	8.7	6.0	Đạt	
52	29204951058	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/03/2005	Quảng Trị	31TBN8	8.0	6.5	Đạt	
53	27215402180	Nguyễn Hồng	Son	14/12/2003	Ninh Thuận	31CBN4	7.0	3.3	Không Đạt	
54	28214147477	Đinh Chí	Sóng	30/03/2004	Nghệ An	31SSC2	6.0	1.8	Không Đạt	
55	27215330758	Lê Văn Cao	Tài	07/04/2003	Đà Nẵng	31CHT4	7.3	5.8	Đạt	
56	27215445597	Nguyễn Đình	Tài	21/07/2003	Quảng Nam	31CHT4	9.3	6.8	Đạt	
57	29217456321	Hồ Thanh	Thắng	03/05/2005	Đắk Lắk	31CBN4	7.7	7.0	Đạt	
58	29207154252	Lê Thị Hoài	Thanh	11/05/2002	Quảng Bình	31CBN4	6.0	5.3	Đạt	
59	29203564806	Nguyễn Thị Kim	Thùy	04/06/2005	Quảng Ngãi	31CBN4	8.7	7.3	Đạt	
60	27203242856	Nguyễn Thị Như	Thùy	11/06/2003	Đà Nẵng	31TYC5	8.3	8.3	Đạt	
61	27205352342	Phạm Thị	Thùy	26/04/2003	Lâm Đồng	31CHT4	4.3	5.3	Không Đạt	
62	28216234199	Nguyễn Thị Anh	Thy	05/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN4	6.7	6.0	Đạt	
63	29203465704	Tạ Hiền	Thy	28/10/2005	Lâm Đồng	31CBN4	5.3	9.0	Đạt	
64	27205339233	Nguyễn Hà	Tiên	02/11/2003	Quảng Ngãi	31CHT3	7.0	V	Không Đạt	
65	28214554930	Ngô Quang	Tính	04/02/2001	Quảng Nam	31CBN4	8.0	9.3	Đạt	
66	28205102103	Nguyễn Minh	Trâm	01/11/2004	Gia Lai	31TBN4	5.7	5.0	Đạt	
67	30206755000	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	14/02/2006	Quảng Nam	31SBN3	5.7	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	29204627680	Trương Lê Ngọc	Trâm	07/07/2005	Quảng Nam	31CHT4	9.3	8.5	Đạt	
69	29204635751	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	20/11/2005	Quảng Nam	31TSC6	5.3	7.5	Đạt	
70	27215449744	Hoàng Trọng Thiên	Trí	12/11/2003	Quảng Bình	31CBN4	6.3	8.5	Đạt	
71	29212539158	Phạm Viết	Trí	06/09/2005	Quảng Nam	31CBN4	5.7	5.5	Đạt	
72	27211344035	Đặng Minh	Tuấn	01/05/2003	Đắk Lắk	31THT6	8.0	5.5	Đạt	
73	27215332064	Nguyễn Quang	Tùng	16/04/2003	Quảng Nam	31CHT4	10.0	10.0	Đạt	
74	28218152124	Nguyễn Tấn	Văn	02/04/2004	Quảng Nam	31CHT3	6.7	6.8	Đạt	
75	28214651814	Võ Nguyễn Lâm	Viên	19/09/2004	Đà Nẵng	31SBN3	6.7	8.5	Đạt	
76	28204401950	Võ Thị Như	Ý	21/07/2004	Quảng Ngãi	30TBN13	5.0	3.3	Không Đạt	
77	29208138083	Bùi Thị Hải	Yến	10/09/2005	Quảng Nam	31CBN4	10.0	5.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh